

VẤN ĐỀ TRANH THỦ SỰ ỦNG HỘ QUỐC TẾ THỜI KỲ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, CHUẨN BỊ KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

LƯƠNG VIẾT SANG*

Việc tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đóng một vai trò hết sức quan trọng trong với quá trình xây dựng lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền thời kỳ 1941-1945. Lực lượng quốc tế mà Đảng Cộng sản Đông Dương xác định cần tranh thủ là các nước Đồng minh chống phát xít.

1. Các nước Đồng minh với vấn đề Đông Dương thời kỳ 1941-1945

Sau khi đánh chiếm Ba Lan và một loạt các nước Bắc Âu như Đan Mạch, Na Uy, Bỉ, Hà Lan, Luxembua, ngày 5-6-1940 quân phát-xít Đức tràn vào thủ đô nước Pháp. Chính phủ Pétain đầu hàng Đức. 3/4 nước Pháp bị chiếm đóng. Nền Cộng hòa Pháp bị thủ tiêu, thay vào đó là chế độ độc tài quân sự do Pétain cầm đầu. Nhưng tướng De Gaulle không đầu hàng và đã thành lập "Chính phủ Pháp tự do" lưu vong với mong muốn dựa vào lực lượng Anh, Mỹ để giải phóng đất nước. Tiếp đó, tại Hà Nội, ngày 23-9-1940, Pháp phải ký hiệp ước chấp nhận cho quân Nhật chiếm đóng Đông Dương - một bước quan trọng trong kế hoạch tấn công Đông Nam Á - Thái Bình Dương, thực hiện ước mơ Đại Đông Á của

Nhật Bản. Từ giữa năm 1941, một loạt các sự kiện quan trọng của Chiến tranh thế giới thứ Hai diễn ra. Tháng 6-1941, Đức tấn công Liên Xô. Ngày 21-7-1941 Nhật gửi tối hậu thư yêu cầu Pháp nhượng quyền sử dụng một số căn cứ không quân và hải quân ở miền Nam Việt Nam và Pháp phải chấp nhận. Sự kiện này đã tác động đến các nước trong lực lượng Đồng minh chống phát-xít đang có những quyền lợi ở Đông Nam Á.

Đối với Mỹ: các hành động lấn lướt của Nhật Bản ở Đông Nam Á làm cho Mỹ lo ngại. Ngày 21-7-1941, Thứ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Willes đã báo cho phía Nhật biết rằng nếu Nhật chiếm Đông Dương thì sự thảo luận thêm giữa hai chính phủ sẽ trở nên hoàn toàn vô ích.

Ngày 24-7-1941, trong buổi tiếp đại sứ Nhật, Tổng thống Roosevelt đề xuất với phía Nhật thực hiện việc *trung lập hóa Đông Dương bằng một hiệp ước của tất cả các nước quan tâm (trừ Pháp)*. Chính sách này nhằm hạn chế đà xâm lược của Nhật đang tiến triển ở đây.

Cho tới trước khi Nhật tấn công Trân Châu Cảng (7-12-1941), Chính phủ Mỹ vẫn

* TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

nuôi ào tưởng thông qua đàm phán có thể phân chia quyền lợi với Nhật ở Trung Quốc và Đông Dương, tránh được chiến tranh với Nhật. Đã có hơn 40 cuộc đàm phán Mỹ - Nhật ở Oasinhton trong thời gian này.

Lúc đầu vì cần đến vai trò đồng minh của Pháp và Anh trong chiến tranh nên Mỹ ủng hộ Pháp thu hồi các thuộc địa cũ nhưng với điều kiện Pháp phải tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc đó. Nhưng chính phủ Pétain đã đầu hàng Đức và không thể chống đỡ nổi sự lấn lướt của Nhật ở Đông Dương. "Chính phủ Pháp tự do" lưu vong của De Gaulle lúc này chỉ còn biết trông chờ vào Đồng minh. Trước tình hình đó, Mỹ thay đổi thái độ của mình, *chủ trương đặt các thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan... dưới hình thức ủy trị quốc tế sau khi các nước này đã được giải phóng khỏi ách chiếm đóng phát xít*. Tại cuộc gặp giữa Roosevelt, Churchill và Tướng Giới Thạch ở Cairo trên đường đi dự Hội nghị Teheran cuối năm 1943, Tổng thống Mỹ còn đề ra 3 giải pháp cho Đông Dương khi chiến tranh kết thúc: hoặc là trả lại cho Pháp, hoặc là trao cho Tướng Giới Thạch, hoặc là cho Đông Dương độc lập nhưng trước hết phải đặt dưới sự cộng quản quốc tế một thời gian. Chủ trương áp đặt chế độ Ủy trị quốc tế (International Trusteeship) đương nhiên nhận được sự ủng hộ của Tướng Giới Thạch. Chủ trương trên của Mỹ còn được Staline nhất trí tại Hội nghị Teheran (28-11 đến 1-12-1943). Đến tháng 1-1944, Roosevelt bỏ đi hai giải pháp đầu, chỉ chọn giải pháp thứ ba và khẳng định Mỹ sẽ là một thành viên trong ủy ban quản trị quốc tế đó. Về sau, để tăng cường liên minh chống phát-xít và chuẩn bị cho việc đối phó với Liên Xô sau chiến tranh, Mỹ dần dần từ bỏ phương án "Ủy trị quốc tế" đối với Đông Dương. Đến Hội nghị Potsdam (17-7 đến 2-

8-1945) thì Mỹ chấp nhận phân chia Đông Dương cho quân Tưởng và Anh, mà đằng sau quân Anh là quân Pháp với tham vọng tái chiếm Việt Nam.

Đối với Anh: việc Nhật Bản chiếm Đông Dương đe dọa nghiêm trọng đến quyền lợi của Anh ở các thuộc địa ở Đông Nam Á. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề Đông Dương trước các hành động của Nhật Bản lúc này sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của Anh ở các thuộc địa của mình trong khu vực. Trong tháng 7-1941, Mỹ và Anh đã tiến hành hội đàm để bàn cách đối phó với việc Nhật Bản xâm lược Đông Dương. Tiếp đó, Mỹ, Anh và các nước trong Liên hiệp Anh như Ấn Độ, Miến Điện đã phong tỏa các tài khoản của Nhật trên đất nước họ. Anh luôn tỏ thái độ bênh vực quyền lợi của Pháp tại Đông Dương. Khi Mỹ đưa ra chính sách ủy trị quốc tế đối với Đông Dương thì chỉ có Liên Xô và Trung Quốc ủng hộ, còn Anh thì phản đối vì đó sẽ là một tiền lệ không hay đối với các thuộc địa của Anh. Tháng 8-1944, Anh đề nghị Mỹ chấp nhận cho Pháp tham gia việc giải phóng Đông Dương và cuộc chiến tranh chống Nhật ở khu vực này.

Đối với Trung Quốc: Hiện nay chúng ta chưa có nhiều tư liệu nói về thái độ của Đảng Cộng sản Trung Quốc về vấn đề Đông Dương thời gian này. Có một thực tế là chính phủ Trung Hoa Dân quốc của Tưởng Giới Thạch được các nước Đồng minh coi là một thực thể trong quan hệ quốc tế và đứng trong hàng ngũ chống phát-xít. Tưởng chưa có nhiều quyền lợi ở Đông Dương và Đông Nam Á nhưng việc Nhật chiếm Đông Dương và chắc chắn ở khu vực này là điều mà Tưởng không hề mong muốn. Trong khi đó, Mỹ muốn thông qua lực lượng của Tưởng để nắm Đông Dương, ủng hộ nhiều về vật chất cho Tưởng chống Nhật. Với tinh thần đó, Mỹ đã hứa cho

Tướng thay Pháp ở Đông Dương và từ cuối năm 1940, Tướng đã chuẩn bị kế hoạch "Hoa quân nhập Việt". Việc Mỹ công khai gợi ý giao cho Tướng phụ trách chiến trường Đông Dương tại cuộc gặp ở Cairo và Hội nghị Teheran nói trên đã tăng thêm quyết tâm của Tướng thay thế Pháp ở Đông Dương.

Đối với Liên Xô: chúng ta cũng chưa có nhiều tài liệu về thái độ của Liên Xô với vấn đề Đông Dương thời kỳ này. Khi Nhật chiếm Đông Dương thì Liên Xô đang phải tập trung vào việc chuẩn bị chiến tranh. Đến khi Đức tấn công Liên Xô và cho tới nhiều năm sau khi chiến tranh kết thúc, Đông Dương cũng chưa phải là mối bận tâm của cường quốc xã hội chủ nghĩa này. Liên Xô có nhiều việc phải làm ở châu Âu và các vùng biên giới trực tiếp ảnh hưởng đến an ninh quốc gia của mình hơn. Vì thế có thể hiểu tại sao Staline nhất trí với Roosevelt tại Hội nghị Teheran về chủ trương áp đặt chế độ ủy trị quốc tế đối với Đông Dương. Ông còn cho rằng đồng minh không nên giúp Pháp để nắm lại quyền kiểm soát ở Đông Dương, mà Pháp cần bị trừng phạt hơn là được hưởng một giải pháp hòa bình.

2. Vấn đề tranh thủ sự ủng hộ của các nước Đồng minh trong thời kỳ xây dựng lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Nam

Một tháng sau khi Pháp đầu hàng Đức, trong một báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 12-7-1940, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã dự đoán Nhật Bản "hiện đang mưu toan nhanh chóng chiếm Việt Nam". Người nhận định Mỹ "tỏ ra ghen ăn" với Nhật và đang "nhòm ngó Thái Bình Dương". Còn ở Trung Quốc "có người chủ trương: Phía Pháp không thể bảo vệ được Việt Nam, Trung Quốc nên xuất binh thay Pháp bảo

vệ Việt Nam để chống Nhật". Người cũng chỉ rõ âm mưu của Pháp là "Nếu phải giao Việt Nam cho Đức hoặc trả lại cho người Việt Nam thì chi bằng dâng Việt Nam cho Nhật Bản tốt hơn" (1).

Như vậy, từ rất sớm Nguyễn Ái Quốc đã nhìn thấy rõ những toan tính của một số nước trong lực lượng chống phát-xít đối với Việt Nam cũng như sự ươn hèn phản động của Pháp trước vấn đề Nhật Bản xâm lược Việt Nam. Vào thời điểm đó lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam là Đảng Cộng sản thì "tám chín phần mười số cán bộ cũ đã bị bắt. Cán bộ mới còn thiếu kinh nghiệm và chưa đủ lực lượng". Song Người vẫn đánh giá: "Lực lượng của chúng tôi hiện nay tuy chưa thể tính toán được, nhưng quân đồng minh hiện có của chúng tôi rất mạnh. Ngoài Liên Xô, phía Tây có Ấn Độ, phía Đông có khu giải phóng rộng lớn của Trung Hoa" (2). Cuối bản báo cáo, Nguyễn Ái Quốc đề nghị Quốc tế Cộng sản giúp cho cách mạng Việt Nam một số ít vũ khí, kinh phí, cố vấn để lập căn cứ địa chống Pháp, chống Nhật.

Trong các bài báo với bút danh Bình Sơn đăng trên *Cửu vong nhật báo* của Trung Quốc cuối năm 1940, Nguyễn Ái Quốc đã nêu rõ cách mạng Việt Nam cần phải "liên kết với Trung Quốc trong cùng mặt trận" và cách mạng Trung Quốc cũng cần phải làm theo lời dạy của quốc phụ (Tôn Trung Sơn) mà giúp đỡ phong trào giải phóng Việt Nam "bằng mọi khả năng có thể" (3).

Sau khi trở về nước, tháng 5-1941 Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám. Hội nghị xác định nhiệm vụ trung tâm của Đảng là chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để nhằm đánh thức tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân, mở rộng mặt trận thống

nhất chống Pháp - Nhật. Nghị quyết của Hội nghị nhận định cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một bộ phận dân chủ chống phát-xít. Vận mạng của dân tộc Đông Dương chung với vận mạng của Trung Quốc cách mạng và Liên bang Xô-viết. Nghị quyết coi cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc dưới ách thống trị Pháp - Nhật, cuộc cách mạng của nhân dân Pháp - Nhật, Liên Xô... là hậu quân trực tiếp ngoài nước. Tuy nhiên, không thấy Nghị quyết đề cập cụ thể đến vấn đề tranh thủ sự ủng hộ của các nước Đồng minh chống phát-xít.

Sau khi cuộc chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra, ngày 21-12-1941, Trung ương Đảng đã có *Thông cáo gửi các cấp bộ Đảng*, trong đó nêu rõ vấn đề Hoa quân nhập Việt và ngoại giao với Anh - Mỹ. Về vấn đề "Hoa quân nhập Việt", Đảng chủ trương "lãnh đạo cho Việt Nam độc lập đồng minh giao thiệp với chính phủ kháng chiến Trung-quốc để thực hiện khẩu hiệu Hoa-Việt kháng Nhật trên đất Đông Dương theo nguyên tắc bình đẳng tương trợ và làm cho quân Trung-quốc nhận rằng "Họ vào Đông-dương để giúp cho cách mạng Đông-dương tức là tự giúp", đặng cùng với nhân dân Đông-dương chiến thắng Nhật, phá tan sức uy hiếp Hoa-Nam, chứ không phải vào Đông-dương để chinh phục Đông-dương. Đối với quân Anh - Mỹ thái độ của ta là cùng họ nhân nhượng liên hiệp có điều kiện. Nếu họ chịu giúp cách mạng Đông-dương thì ta có thể nhận cho họ hưởng một phần quyền lợi ở Đông-dương. Nhưng nếu họ muốn khôi phục lại chính quyền của đế quốc Pháp ở Đông-dương, chúng ta phải cương quyết cự tuyệt và tiếp tục chiến đấu giành độc lập". Thông cáo cũng nhắc các đảng bộ chú ý rằng: "Ta có mệnh thì họ mới

chịu "đếm xia đến". Ta yếu thì ta chỉ là một khối cụ trong tay của kẻ khác, dầu là kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy. Nhất là đừng có ảo tưởng rằng: Quân Trung-quốc và quân Anh - Mỹ sẽ mang lại tự do cho ta. Không, trong cuộc chiến đấu giải phóng cho ta cố nhiên là phải kiếm bạn đồng minh dầu rằng tạm thời bấp bênh có điều kiện, nhưng công việc của ta trước hết ta phải làm lấy" (4).

Sau khi thành lập, Mặt trận Việt Minh đã có những hoạt động tích cực trong cuộc đấu tranh chống phát-xít của nhân dân thế giới. Để cho mặt trận chống phát xít Nhật - Pháp có thêm lực lượng đồng minh, Việt Minh chủ trương phải tập hợp các tổ chức đảng phái chống phát-xít của người nước ngoài ở Đông Dương (Pháp kiều, Hoa kiều) theo nguyên tắc liên minh với tinh thần bình đẳng tương trợ, để hình thành mặt trận dân chủ chống Nhật ở Đông Dương. Mặt trận Việt Minh cũng tăng cường hoạt động quốc tế để tìm bạn đồng minh bên ngoài cùng phối hợp chống phát-xít và tăng cường sức mạnh giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Phong trào Việt Minh thời gian đầu sau khi ra đời phát triển khó khăn do chính sách đàn áp của đế quốc Pháp. Cho đến những năm 1943-1944, Việt Minh vẫn chưa lập được quan hệ chính thức với một nước nào trong phe Đồng minh chống phát-xít. Việc liên hệ với họ, tranh thủ sự giúp đỡ của họ trở nên cấp thiết để tăng cường sức mạnh cho cuộc đấu tranh. Trong số các lực lượng chống phát xít đang hoạt động ở Châu Á, phải kể đến Trung Quốc (bao gồm Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản), Mỹ và những người Pháp thuộc phái De Gaulle.

Đối với Trung Quốc: Chính phủ Trung Khánh "hiểu rất rõ là Mặt trận mới này, không thể chối cãi được, là do cán bộ của

Đảng Cộng sản Đông dương bí mật chi phối. Tình hình quan hệ của những người này với Đảng Cộng sản Trung Quốc thúc đẩy họ có thái độ hết sức dè dặt với Việt Minh" (5). Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông dương (họp ngày 25 đến 28-2-1943) cho rằng nguyên nhân là do "cách vận động ngoại giao với Trung-quốc của Việt-minh có chỗ không khôn khéo, phần vì bọn phát-xít Pháp tay sai của Nhật dùng ngoại giao với Trùng-khánh dèm pha, phá hoại, phần vì chính phủ Trùng-khánh không quả quyết liên minh với cách mạng Việt-nam, nên vấn đề liên minh với Trung-quốc gặp nhiều sự trở ngại đáng tiếc". Đảng phải đề nghị với Việt Minh "dùng mọi phương pháp ngoại giao cần thiết làm cho chính phủ Trùng-khánh làm rõ là cuộc liên minh giữa các đảng phái cách mạng Việt-nam và Trung-quốc phải căn cứ vào nguyên tắc bình đẳng và tương trợ... Việt-minh là hình thức liên minh giữa các đảng phái cách mạng Việt-nam, cố nhiên nó phải bao gồm tất cả các phần tử và đoàn thể cách mạng Việt-nam kể cả những người cộng sản Việt-nam nữa. Việc những người cộng sản Việt-nam có chân trong Việt-minh không những không cản trở cuộc liên minh giữa Việt-minh với Trung-quốc, mà còn thêm sức mạnh rất nhiều cho mặt trận Hoa - Việt thống nhất kháng Nhật. Hội nghị thường vụ Trung ương nhận thấy sự không được hoàn toàn thống nhất giữa các phái đảng cách mạng Việt-nam ở Trung-quốc có hại chung cho cách mạng Việt-nam và đặc biệt cho việc ngoại giao với Trung-quốc nên những đồng chí ở hải ngoại phải kíp tẩy trừ cô độc chủ nghĩa, vận động những nhà cách mạng Việt-nam ở Trung-quốc mau đúc thành một khối biệt lập hẳn với một vài phần tử cơ hội, chúng luôn phá hoại công việc thực

hiện Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật-Pháp ở ngoài" (6).

Tháng 8-1942, Nguyễn Ái Quốc với tên mới là Hồ Chí Minh nhân danh đại biểu Việt Minh và phân hội quốc tế chống xâm lược của Việt Nam di Trung Quốc để gặp Tưởng Giới Thạch và bà Tống Khánh Linh, Chủ tịch phân hội phản xâm lược đồng minh của Trung Quốc. Mục đích của chuyến đi, sau này Người nói, là "vâng lệnh Đoàn thể đi cầu ngoại viện". Như chúng ta đã biết trong chuyến đi này, Người đã bị nhà cầm quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch giam cầm 14 tháng ở nhiều nhà lao. Vào thời gian đó có các đoàn đại biểu của Mỹ, Anh đến thăm Trùng Khánh – thủ phủ của Trung Hoa Dân quốc. Như vậy có thể suy đoán mục đích chuyến đi của Hồ Chí Minh không chỉ tìm kiếm sự giúp đỡ của Trung Quốc mà là của cả các nước Đồng minh. Điều này ít nhiều được thể hiện qua một số bài thơ trong tập *Nhật ký trong tù* của Người như bài "Các báo: hoan nghênh Uy Ki đại hội" (Các báo đăng tin: hội họp lớn hoan nghênh Uy Ki), "Anh phỏng Hoa đoàn" (Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa). Sau khi được nhà cầm quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch trả lại tự do, Hồ Chí Minh đã lưu lại một thời gian ở Trung Quốc, có những hoạt động tích cực để tìm kiếm sự ủng hộ của Trung Quốc mà cụ thể là thiết lập được quan hệ thân thiện với một số nhân vật có thế lực trong chính quyền của Tưởng Giới Thạch. Qua họ, Hồ Chí Minh đã làm quen với các sĩ quan Mỹ đang hoạt động ở Trung Quốc. Với các hoạt động này, Hồ Chí Minh còn nắm bắt được tình hình của bọn giả danh cách mạng trong tổ chức Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội, hạn chế các hoạt động chống phá của chúng. Như vậy, mặc dù rất có thể Hồ Chí Minh chưa biết về nghị quyết của Ban

Thường vụ Trung ương Đảng tháng 2-1943 (vì lúc đó Người vẫn còn trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch) nhưng các hoạt động của Người sau khi ra tù đã đáp ứng có hiệu quả chủ trương của nghị quyết này.

Đôi với Mỹ: Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ Hai bước vào giai đoạn kết thúc. Từ ngày 4 đến 21-2-1945, ba cường quốc trong mặt trận đồng minh chống phát-xít là Liên Xô, Mỹ, Anh đã họp tại Yanta để giải quyết các công việc quốc tế sau chiến tranh. Ở Việt Nam, việc chuẩn bị mọi điều kiện để tổng khởi nghĩa cũng đang đi vào giai đoạn cuối. Việc quan hệ với các nước Đồng minh, vừa lấy danh nghĩa pháp lý, vừa tranh thủ sự giúp đỡ của họ về vật chất, có ý nghĩa rất quan trọng. Tháng 2-1945, viên Trung úy phi công Mỹ William Saw gặp nạn phải nhảy dù vào khu căn cứ của cách mạng, được lực lượng tự vệ Việt Minh cứu. Hồ Chí Minh đã đích thân đưa Saw đi Côn Minh trao cho Bộ chỉ huy quân sự Mỹ để qua đó xác lập mối quan hệ chính thức với Đồng minh. Người đã tiếp xúc với những cơ quan quan trọng của Mỹ trên đất Trung Quốc (7). Qua đó, Người muốn khẳng định tính pháp lý của Mặt trận Việt Minh với tư cách là một bộ phận của mặt trận Đồng minh thế giới chống phát-xít. Lực lượng Mỹ ở Côn Minh còn giúp đỡ vật chất cho Việt Minh (thuốc men, điện đài), giúp Việt Minh thả truyền đơn tuyên truyền ở miền Bắc Việt Nam bằng máy bay. Có lẽ nhờ đó mà dư luận ở nước Mỹ được biết về cách mạng Việt Nam và sự hiện diện của Việt Minh. Tờ báo *The National Herald* của Mỹ viết: *"Hiện nay, Việt Minh là một Mặt trận dân tộc của tất cả các đảng, chuẩn bị thành lập một chính phủ quân sự lâm thời, để hợp tác với các nước Đồng minh. Khi Đồng minh mở cuộc tấn công, họ sẽ được chính quyền Việt Minh*

hoan nghênh. Hiện nay, Việt Minh tập hợp chừng 50.000 hội viên được học tập về quân sự và tổ chức thành những đơn vị du kích để tiến hành chiến tranh du kích chống Nhật, ủng hộ Đồng minh và đấu tranh cho nền độc lập của Việt Nam" (8). Đặc biệt từ đây, những người Mỹ trong toán "Con Nai" do Thiếu tá Thomas chỉ huy đã đến Việt Bắc huấn luyện cho cán bộ quân sự Việt Nam. Một đơn vị gọi là bộ đội Việt - Mỹ được thành lập theo chỉ thị của Hồ Chí Minh do Đàm Quang Trung chỉ huy. Thiếu tá Thomas tự coi là Tham mưu trưởng đại đội. Mỹ cũng thả một số vũ khí xuống giúp Việt Minh. Bộ đội Việt - Mỹ đã tham gia đánh Nhật ở Thái Nguyên trong cách mạng tháng Tám 1945, cùng hành quân với đội quân cách mạng về Hà Nội và chấm dứt nhiệm vụ vào ngày 9-9-1945.

Đôi với Pháp (phái De Gaulle): với chủ trương tập hợp các tổ chức đảng phái chống phát-xít của người nước ngoài ở Đông Dương, ngày 10-10-1942, Mặt trận Việt Minh đã phối hợp với những người cộng sản Pháp rải truyền đơn kêu gọi binh sĩ Pháp, những người Pháp trung thành với nước Pháp cùng với Việt Minh "bẻ gãy ách áp bức chung". Nhà nghiên cứu Nguyễn Thành cho rằng đây có thể là một trong những dấu hiệu đầu tiên của Mặt trận Việt Minh tìm bạn đồng minh chống chủ nghĩa phát-xít Nhật trong những người Pháp thuộc phái De Gaulle ở Đông Dương. Thời gian sau, thông qua nhóm Xã hội cộng sản Pháp hoạt động bí mật ở Hà Nội, cán bộ Việt Minh đã gặp những đại biểu của phái De Gaulle. Cán bộ Việt Minh đã đặt ra ba điều kiện hợp tác: 1. Vận động đình chỉ việc thu thóc tạ; 2. Vận động tha tù chính trị; 3. Giao một số vũ khí cho Việt Minh đánh Nhật. Những người Pháp không nhận điều kiện thứ ba, còn lại hai điều kiện trên, hứa

sẽ thực hiện. Về sau, 150 tù chính trị được tha một lúc ở Hà Nội và hàng chục tù chính trị được tha ở Hòa Bình, nhưng chỉ là những án nhẹ. Việc thu thóc vẫn như trước. Kết quả hạn chế này cho ta thấy được bản chất thực dân của những người Pháp thuộc phái De Gaulle. Sau khi nước Pháp được giải phóng, ngày 24-3-1945, De Gaulle đã ra tuyên bố: sau khi Nhật thất bại, Đông Dương sẽ thành lập theo kiểu liên bang gồm 5 xứ khác nhau, sẽ tham gia khối Liên hiệp Pháp, quyền đối ngoại do Pháp đại diện, có một chính phủ liên bang đứng đầu là một viên toàn quyền do Chính phủ Pháp cử sang. Lập trường thực dân của chính phủ De Gaulle càng thêm rõ. Ngày 7-5-1945, Dương Bảo Sơn, cán bộ Việt Minh, nhân danh phân hội Việt Nam Cách mạng đồng minh hội ở Côn Minh hợp báo tuyên bố phản đối chủ trương trên của De Gaulle. Cũng về vấn đề này, trong một bức điện gửi cho (chính phủ?) Mỹ ngày 18-8-1945, Tổng bộ Việt Minh nêu rõ quan điểm của mình:

“Nếu người Pháp mưu toan trở lại Đông Dương để hòng cai trị đất nước này và một lần nữa lại đóng vai những kẻ đi áp bức thì nhân dân Đông Dương sẵn sàng chiến đấu

đến cùng, chống việc trở lại xâm lược của Pháp. Mặt khác, nếu họ đến với tư cách như là người bạn để xây dựng nền thương nghiệp, công nghiệp mà không có tham vọng thống trị thì họ sẽ được hoan nghênh như bất kỳ cường quốc nào khác” (9).

Tuy nhiên như lịch sử đã chứng tỏ, lập trường thực dân của nhà cầm quyền Pháp vẫn không thay đổi.

Trước ngày tổng khởi nghĩa giành chính quyền, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận định về việc tranh thủ sự ủng hộ quốc tế trong Hội nghị toàn quốc như sau: “Về mặt ngoại giao, tuy chúng ta đã cố gắng nhiều, nhưng mãi đến giờ, đối với Trung-hoa vẫn chưa có kết quả tốt; đối với các nước Đông-minh, tuy việc ngoại giao có tiến, nhưng cách mạng Việt Nam vẫn chưa giành được một địa vị khả quan trên trường quốc tế” (10).

Thực tế lịch sử cho thấy đúng như những nhận định của Đảng. Nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, không lệ thuộc vào sự giúp đỡ của bên ngoài, đã phấn đấu hy sinh, dựa vào sức mình là chính để giành thắng lợi cuối cùng trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

CHÚ THÍCH

(1), (2). Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 3*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2002, tr. 172, 171.

(3). Xem các bài báo “Nhân dân Việt Nam và báo chí Trung Quốc”, “Ca dao Việt Nam và cuộc kháng chiến của Trung Quốc”, “Mắt cá giả ngọc trai” trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 3*, sđd.

(4), (6). Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, *Văn kiện Đảng 1930-1945, tập III*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr.191, 192; 358, 359.

(5). Phrăng-xoa Gioay-ô, *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (Giơnevơ 1954)*, Nxb. TLL, Hà Nội, 1981, tr. 67

(7). Đó là các tổ chức AGAS (*Air Ground Aid Service* - Ban Không trợ mặt đất, một tổ chức quân Mỹ ở Hoa Nam), OSS (*Office Strategic Services* - Cơ quan phục vụ chiến lược, một tổ chức tình báo Mỹ trong chiến tranh thế giới thứ hai), AOWI (*American Office of War Information* - Cơ quan thông tin chiến tranh của Mỹ)

(8). *Sự thật về nước Việt Nam*, Paris, 1947, tiếng Pháp, tr. 34, dẫn theo Nguyễn Thành, *Mặt trận Việt Minh*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 57.

(9). Xem Nguyễn Thành, *Mặt trận Việt Minh*, sđd, tr. 29, 41, 79, 82.

(10). *Văn kiện Đảng 1930-1945, tập III*, sđd, tr. 416.